

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ K  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HS-ST  
Ngày 26 - 6 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đường

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Phạm Xuân Thọ;

- Bà Bùi Thị Thu Hằng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

**Ngô Thị N**, sinh ngày 19/01/1991, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Ngô Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1991; con: 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt);

**Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị N:** Bà Kim Hồng Thanh - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

**Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Mai Nham, Xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

**NỘI D VU ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị N làm nhân viên hợp đồng tại thư viện Trường tiểu học T từ tháng 11/2012 đến tháng 4/2019, do N sinh con nhỏ nên N đã nghỉ làm tại đây.

Trong thời gian làm việc tại đây, N có mối quan hệ thân thiết với bà Nguyễn Thị Kim D là vợ ông Tô Văn H (bảo vệ ở trường tiểu học T) và chị Nguyễn Thị Y làm nhân viên y tế của trường. Ngày 28/11/2019, anh Nguyễn Văn N (là chồng N) điều khiển xe máy chở N và cháu Nguyễn Quỳnh C (con gái N) đi từ phòng trọ ở thị trấn H, huyện B đến nhà bà D chơi. Khi đến nơi, anh N ra về trước, còn N và cháu C ở lại chơi và ngủ nhà bà D. Đến khoảng 10 giờ 10 phút ngày 29/11/2019, N bế cháu C đi cùng bà D đến trường tiểu học T chơi. Khi đến nơi, bà D đi có việc riêng, còn N bế cháu C đi vào phòng y tế của trường gặp chị Y thì thấy chị Y đang ngồi trên giường đếm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đ, 200.000đ, sau đó chị Y dùng dây nịt cao su buộc các cọc tiền lại rồi cất vào trong cặp xách màu xanh của chị Y để ở giường. Thấy vậy, N đến giường ngồi nói chuyện với chị Y. Khi đang nói chuyện với N, thì chị Y có điện thoại nên chị Y đi ra ngoài cửa phòng để nghe điện thoại. Lợi dụng lúc chị Y sơ hở, N nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị Y, N đến chỗ để cặp sách của chị Y, lúc này tay phải N vẫn đang bế cháu C, N dùng tay trái lấy trộm 01 cọc tiền mệnh giá 500.000đ rồi cất vào túi trong áo khoác N đang mặc. Sau khi nghe điện thoại xong, chị Y quay lại cất cặp sách đựng tiền vào tủ cá nhân rồi ngồi nói chuyện với N. Đến khoảng 11 giờ 30 cùng ngày N bế cháu C ra về, rồi N bắt xe taxi đi về phòng trọ tại thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, tại đây N kiểm tra số tiền vừa trộm cắp được của chị Y là 50.000.000đ. Sau đó N cất giấu số tiền trộm cắp được vào tủ quần áo tại phòng trọ. Đến ngày 02/12/2019, N mang số tiền 5.000.000đ (trong số tiền trộm cắp) về đưa cho bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ của N) để trả nợ cho bà V, (do trước đó N có vay của bà V 5.000.000đ), còn lại số tiền 45.000.000đ N vẫn cất giấu tại tủ quần áo ở phòng trọ.

Sau khi sự việc xảy ra, cùng ngày chị Nguyễn Thị Y đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 10/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Ngô Thị N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ngô Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D bản cáo trạng.

Bị hại chị Nguyễn Thị Y tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra khai nhận: Ngày 29/11/2019, tại phòng y tế của trường tiểu học T, lợi dụng sơ hở của chị Ngô Thị N đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị số tiền 50.000.000đ. Số tiền trên Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị, sau khi nhận lại tài sản chị không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho chị khoản tiền gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (bút lục 23 - 30).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Ngô Thị N giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Thị N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Ngô Thị N từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng đến 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xác nhận cơ quan điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị Y số tiền 50.000.000đ.

Bị cáo Ngô Thị N không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày lời bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo. Đề nghị xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo là người khuyết tật nặng đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, không có công ăn việc làm ổn định, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ động cơ, mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu sài cá nhân, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 29/11/2019 tại phòng y tế của trường tiểu học T thuộc đường Lam Sơn, phường T, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sự sơ hở của chị Nguyễn Thị Y, Ngô Thị N đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Y số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Số tiền N trộm cắp Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị Y.

Hành vi nêu trên của bị cáo N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 02 tháng đến 7 năm.

Nội dung điều luật quy định:

***“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:***

***c, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”***

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 7 năm nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Bị cáo N không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình để khắc phục hậu quả; bị cáo là người khuyết tật nặng đang được hưởng trợ cấp xã hội; bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo N là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người Thành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với những người liên quan đến vụ án:

Đối với anh Nguyễn Văn N (là chồng của N), quá trình điều tra xác định anh N không biết việc N trộm cắp tiền của chị Y và không biết N cất giấu tiền ở phòng trọ. Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo sự việc về gia đình, N đã nói cho anh N biết chỗ cất giấu tiền và nhờ anh N giao nộp cho Cơ quan điều tra, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với bà Nguyễn Thị V (là mẹ đẻ của N), quá trình điều tra xác định sau khi N trộm cắp tiền của chị Y, N mang số tiền 5.000.000đ (trong số tiền trộm cắp) về đưa cho bà V để trả nợ cho bà V, bà V không biết số tiền này là do N trộm cắp mà có, sau khi biết sự việc bà V đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền này, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp và đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Số tiền 50.000.000đ đã thu giữ và trả lại cho người bị hại. Nay bị hại không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Ngô Thị N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 4 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Thị N cho Ủy ban nhân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự thì Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an cấp huyện lập biên bản đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Ngô Thị N là người khuyết tật được miễn án phí nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố K;
- Công an thành phố K;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- C cục thi hành án K;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã L, huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Đường**